

Số: **46** /Hanoi Re-HĐQT

Hà Nội, ngày **19** tháng **3** năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **Số 86GP/KDBH** do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày **01/10/2013** và các Giấy phép điều chỉnh
- Vốn điều lệ: **1.044.000.000.000 VND** (Một nghìn không trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: **Tầng 25, tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội**
- Số điện thoại: **(024) 3734 2828**
- Số fax: **(024) 3734 2626**
- Website: **www.HanoiRe.com**
- Mã cổ phiếu (HNX): **PRE**

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng **07/2011**, Công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của PVI Holdings, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế.
- Tháng **10/2013**, việc tăng vốn điều lệ lên **668 tỷ đồng** thông qua cổ phần hóa là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa Công ty trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI ("PVI Re"), góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng **05/2016**, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm **2018**, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là **728 tỷ đồng**.



- Năm 2019, PVI Re được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và Đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.
- Ngày 30/09/2020, cổ phiếu của PVI Re được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PRE. Sau đó, ngày 24/12/2020, cổ phiếu PRE đã chính thức giao dịch trên HNX với mức giá tham chiếu 20.000 đồng.
- Ngày 20/07/2021 đánh dấu 10 năm PVI Re được thành lập và đi vào hoạt động. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, PVI Re đã vươn mình trở thành một công ty Tái bảo hiểm hoạt động tích cực tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.
- Tháng 09/2022, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp cho phép Công ty mở rộng nội dung hoạt động: Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm). Do đó, công ty tiếp tục cung cấp thêm nhiều dịch vụ cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
- Trong năm 2022, PVI Re thực hiện triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 1.044 tỷ đồng. PVI Re đã nhận được Giấy phép chào bán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Trong năm 2023, PVI Re chính thức được Bộ Tài Chính cấp phép điều chỉnh số 86/GPĐC4/KDBH ngày 20/07/2023 ghi nhận số vốn điều lệ tăng lên 1.044 tỷ đồng.
- Từ ngày 03/08/2023, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) chính thức được Bộ Tài Chính cấp phép số 86/GPĐC5/KDBH chấp thuận đổi tên công ty thành Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội (Hanoi Re).

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội đã đạt được:**

- Năm 2019, Bộ Tài chính trao tặng bằng khen ghi nhận với những thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PVI Re ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực) và được duy trì cho đến nay.
- Ngày 20/06/2022, PVI Re đã được IR Awards ghi nhận và đánh giá là một trong số ít các doanh nghiệp niêm yết thuộc lĩnh vực bảo hiểm đạt chuẩn, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Năm 2022, PVI Re cũng vinh dự được Bộ Trưởng Bộ Tài chính trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2021 và thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2021. Đây là sự ghi nhận đối với những nỗ lực không ngừng của PVI Re trong việc cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ cũng như các hoạt động an sinh xã hội.

- Tổng giám đốc Hanoi Re được trao tặng Bằng Lao động Sáng tạo cho những thành tích xuất sắc mà Công ty đã đạt được nhờ các chỉ đạo chiến lược trong công tác chuyển đổi số tại Hanoi Re. Hanoi Re đã triển khai thành công giải pháp “Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp”. Giải pháp bao gồm nhiều sáng kiến, trong đó đáng chú ý là việc số hóa toàn bộ quy trình kinh doanh và quản lý, tạo đột phá quan trọng trong lĩnh vực tái bảo hiểm và có tiềm năng được áp dụng rộng rãi. Sáng kiến này mang lại nhiều cải tiến nổi bật, không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hanoi Re mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững và tăng cường tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Đây là một giải pháp mang tính cách mạng trong việc chuyển đổi số toàn diện, đưa Hanoi Re lên một tầm cao mới trong quản lý và vận hành doanh nghiệp.
- Năm 2024 Hanoi Re tiếp tục được tổ chức A.M.Best duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức B++ (Tốt), xếp hạng năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành là bbb, triển vọng Tích cực.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Tái bảo hiểm

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
 - Bảo hiểm nông nghiệp;
 - Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe;
- ❖ Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm, định phí bảo hiểm).
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên đều không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Không
Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	Không

❖ Ủy ban Kiểm toán

Hanoi Re hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát, công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban Kiểm toán có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, công bố thông tin và báo cáo cho HĐQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Hiện tại, Ủy ban Kiểm toán có 02 thành viên là ông Trịnh Văn Lượng và ông Trần Duy Cường; trong đó, ông Trịnh Văn Lượng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT của Công ty.

❖ Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Ngày 19/5/2023, HĐQT Hanoi Re đã thành lập Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT để tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm gồm 03 thành viên, ông Dương Thanh Danh Francois – Phó chủ tịch HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban, ông Phùng Tuấn Kiên và ông Trần Duy Cường là thành viên.

❖ Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Căn cứ theo khoản 1 Điều 85 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023, nhằm kiện toàn công tác quản trị và đáp ứng các quy định mới của Luật, Hanoi Re đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng nhiệm vụ là kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt

động và kiểm toán các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Hiện tại, Ban Kiểm toán nội bộ có 01 Phó Ban phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ là bà Bùi Linh Hương.

❖ Ban Điều hành

Ban Điều hành của Hanoi Re có 05 thành viên. Tổng Giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Hanoi Re theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Hanoi Re và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.

Tổng Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng các công việc trong từng lĩnh vực.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của Hanoi Re, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Thương mại Quốc tế và tài chính
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán

❖ Các Ban chức năng

Các Ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu trung và dài hạn:

- Tầm nhìn: Trở thành nhà Tái bảo hiểm số 1 Việt Nam và có thương hiệu trên thị trường quốc tế.
- Sứ mệnh:
 - + Cung cấp năng lực tái bảo hiểm an toàn, cạnh tranh

- + Tích lũy dòng tiền, đầu tư hiệu quả
- Giá trị cốt lõi:
 - + Chuyên nghiệp
 - + Tôn trọng cam kết
 - + Tuân thủ và minh bạch
- Quan điểm phát triển: Phát triển hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho người lao động, khách hàng và các cổ đông.

4.2. Các mục tiêu kế hoạch năm 2025:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời và xây dựng hợp đồng cố định mới. Tìm kiếm thêm năng lực tái chuyển tiếp cũng như nghiên cứu mở rộng khai thác các dịch vụ, sản phẩm mới.
- Không ngừng phát triển và tìm kiếm khách hàng, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm. Đa dạng tìm kiếm cơ hội cho hoạt động giám định rủi ro. Tăng cường cung cấp dịch vụ định phí bảo hiểm.
- Liên tục mở rộng và tăng cường hoạt động tiếp xúc khách hàng ở các thị trường trọng điểm và các thị trường mới nhằm tìm kiếm cơ hội kinh doanh.
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính. Tăng cường làm việc với các đối tác để tăng hiệu quả các phương án đầu tư.
- Hoàn thiện và triển khai hệ thống kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

Phát triển bền vững là một trong những tiêu chí hàng đầu mà Hanoi Re luôn hướng tới. Hanoi Re đã hoàn thiện việc xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, hoàn thiện xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo mô hình ba tuyến; tập trung xây dựng và triển khai hệ thống quản lý rủi ro tuân thủ.

Hanoi Re đã có tuyên bố khẩu vị rủi ro trong hoạt động đầu tư của Công ty liên quan đến bảo vệ môi trường. Trước khi các quyết định kinh doanh được đưa ra, Hanoi Re thực hiện đánh giá khách hàng liên quan đến môi trường, xã hội nhằm bảo vệ danh tiếng của mình. Từ khi thành lập đến nay, Hanoi Re luôn coi trọng và dành nguồn lực cho các hoạt động an sinh xã hội để đóng góp và lan tỏa các giá trị nhân văn.

Hanoi Re tích cực tham gia các phong trào phát động của Chính phủ, Bộ ban ngành cũng như đóng góp vào các quỹ hỗ trợ và các hoạt động từ thiện như hiến máu nhân đạo; CBNV Hanoi Re luôn nhiệt tình tham gia các chương trình thăm hỏi và gửi quà cho các

hoàn cảnh khó khăn, đồng hành cùng các trẻ em nghèo để các em được học tập và có tương lai tươi sáng hơn.

Hàng năm Hanoi Re đều phát động phong trào “Tết trồng cây” và đều đặn tổ chức chương trình trồng cây trên cả nước, mong muốn góp phần nhỏ bé vào chương trình “Triệu cây xanh - Vì một Việt Nam xanh” giai đoạn 2021-2025 do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động. Hanoi Re cũng hướng tới mục tiêu giảm phát thải ra môi trường, chuyển đổi số hóa quy trình làm việc để giảm lượng giấy sử dụng, có các giải pháp để kiểm soát lượng điện năng tiêu thụ nhằm bảo vệ môi trường.

Hanoi Re cũng luôn xác định trách nhiệm đồng hành và phát triển nguồn nhân lực trẻ, phối hợp cùng các đoàn trường Đại học tài trợ cho các cuộc thi học thuật, định hướng và trang bị kỹ năng cho sinh viên qua các chương trình thực tập thường xuyên tại doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, rủi ro kinh tế là xác suất những thay đổi trong điều kiện kinh tế vĩ mô như Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... có tác dụng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư. Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

a. Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Với đặc thù ngành bảo hiểm, các biến động trong lãi suất có thể gây ra biến động trong giá trị tài sản, có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư tài chính của Công ty. Tính đến 31/12/2024, các khoản đầu tư tài chính của Hanoi Re là 3.173 tỷ đồng, chiếm khoảng 47,35% tổng tài sản và chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng. Ngoài ra, lãi suất tăng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch

vay nợ tài chính của Công ty khi làm tăng chi phí lãi suất.

Như vậy, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đặc biệt sát sao theo dõi tác động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. Hanoi Re quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường tại thời điểm đầu tư để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của công ty. Ngoài ra, Hanoi Re xây dựng mức bù rủi ro theo phân loại tài sản để xác định được lãi suất kỳ vọng của sản phẩm đầu tư.

b. Rủi ro về tín dụng

Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động kinh doanh đầu tư tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác). Trong đó, rủi ro tín dụng từ hoạt động tái bảo hiểm là rủi ro khách hàng không thanh toán phí đúng theo cam kết và tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng tái bảo hiểm phát sinh (trong trường hợp Hanoi Re là bên nhận tái bảo hiểm) cũng như rủi ro đến từ việc đối tác tái bảo hiểm không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản bồi thường tái bảo hiểm cho công ty kịp thời (trong trường hợp Hanoi Re là bên nhượng tái bảo hiểm). Bên cạnh đó, rủi ro tín dụng cũng là một cấu phần của hoạt động đầu tư tài chính khi tiềm ẩn nguy cơ ngân hàng mất khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đúng cam kết, không đúng hạn và/hoặc rủi ro đến từ việc giá trị các khoản đầu tư của công ty suy giảm do kết quả kinh doanh của đối tác biến động tiêu cực. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách ban hành, phân loại và rà soát định kỳ danh mục nhà nhận tái bảo hiểm an toàn cũng như danh sách các tổ chức tín dụng/công ty chứng khoán được phép thực hiện đầu tư.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Tuy nhiên, cho đến nay Hanoi Re đã luôn nỗ lực để nâng cao xếp hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best. Năm 2019, A.M.Best đã nâng hạng tín nhiệm năng lực tài chính của Hanoi Re từ B+ lên B++ và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành từ "bbb-" lên "bbb", với triển vọng ổn định cho cả hai chỉ tiêu này. Năm 2024, Hanoi Re tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm trên đồng thời tăng triển vọng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành từ ổn định lên tích cực.

c. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối là rủi ro gây ra bởi những biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường lên những tài khoản có trạng thái ngoại tệ của công ty. Đối với các rủi ro Hanoi Re cần tái bảo hiểm, chênh lệch tỷ giá có thể gây ra bất lợi cho Hanoi Re trong trường hợp có sự chênh lệch về điều kiện, điều khoản thanh toán, mà cụ thể là điều kiện về đồng tiền thanh toán, giữa hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm. Tỷ giá biến

động mạnh cũng sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá lại và ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

d. Rủi ro về thanh toán

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Khả năng thanh toán có thể suy giảm trong các trường hợp danh mục đầu tư của công ty gặp khó khăn, do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp hoặc giá trị thanh khoản không đạt kỳ vọng. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Rủi ro pháp lý hình thành do sự hiện diện của các rủi ro vi phạm các quy định pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Hanoi Re đối mặt với rủi ro pháp lý khi không tuân thủ, không đáp ứng được hoặc không kịp thời cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và các quy định của luật pháp liên quan. Rủi ro pháp lý cũng tiềm ẩn khi Hanoi Re phát sinh tranh chấp với khách hàng nhận/nhượng tái bảo hiểm của công ty. Để kiểm soát các rủi ro này, Hanoi Re đã và đang thường xuyên cập nhật và sửa đổi kịp thời các quy định, chính sách, quy trình phù hợp với các quy định pháp luật, đồng thời chú trọng đào tạo pháp lý và tuân thủ cho toàn thể cán bộ, nhân viên Hanoi Re.

Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định về thuế, các quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng nhiều quy định khác. Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào hoặc sự chậm trễ trong việc ban hành đồng bộ các quy định pháp luật cũng tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hanoi Re.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Hanoi Re sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như những doanh nghiệp bảo hiểm khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro về thị trường, rủi ro trong hoạt

động và rủi ro về quản lý và nhân sự.

e. Rủi ro thị trường

Khi Việt Nam gia nhập AFTA, APEC, WTO, CPTPP, EVFTA và hiệp định thương mại Việt - Mỹ, thì sự gia nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài sẽ làm thay đổi tính chất cạnh tranh của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Điều đó tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với tất cả các công ty kinh doanh bảo hiểm trong nước. Các công ty trong nước có động lực để phát triển khi hòa mình vào môi trường công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tuy nhiên, họ phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có bề dày kinh nghiệm, công nghệ và tiềm lực tài chính vượt trội. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm trong nước phát triển khiến cho ngày một nhiều các công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm với các gói bảo hiểm, chính sách bảo hiểm đa dạng ra đời. Bản thân các công ty trong nước cũng phải không ngừng cạnh tranh lẫn nhau để giữ vững và mở rộng thị trường.

f. Rủi ro trong hoạt động

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm và mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng. Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm, việc đánh giá rủi ro được chấp thuận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời của thông tin được giám định, cung cấp từ khách hàng và đối tác nhượng tái bảo hiểm. Đây là rủi ro lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Rủi ro về quản lý và nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, cạnh tranh lớn nên quản lý và nhân sự cũng là một trong những yếu tố tác động đến hoạt động của Công ty. Nếu có chính sách cho người lao động tốt, lương và đãi ngộ tốt sẽ thu hút được cán bộ giỏi, ngược lại, Công ty sẽ gặp khó khăn khi không có lao động trình độ cao. Đây cũng là rủi ro tiềm ẩn nếu Hanoi Re không có chiến lược đúng đắn về mặt quản lý và nhân sự.

h. Rủi ro khác

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc phát triển thị trường mới không hiệu quả. Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với công ty tái bảo hiểm. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, ... Những sự kiện bất thường như thảm họa thiên tai, thảm kịch quy mô lớn có thể làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của công ty thông qua việc gây ra các khoản chi bồi thường lớn.

II. Tình hình hoạt động năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm so với năm 2023
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	5,883,530	6,700,999	13.89%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,593,583	1,609,992	1.03%
TỔNG DOANH THU	2,989,921	3,017,347	0.92%
Doanh thu nhận TBH	2,457,313	2,483,361	1.06%
Thu hoa hồng nhượng TBH	245,055	226,896	-7.41%
Doanh thu khác từ HĐKD bảo hiểm	34,137	32,377	-5.15%
Doanh thu hoạt động ĐTTC	253,417	274,713	8.40%
Doanh thu khác			
TỔNG CHI PHÍ	2,733,522	2,777,148	1.60%
Phí nhượng TBH	1,397,651	1,248,145	-10.70%
Chi trả bồi thường thuộc TNGL	426,032	306,566	-28.04%
Trích lập dự phòng nghiệp vụ	37,811	359,790	851.55%
Hoa hồng nhận TBH	671,125	651,116	-2.98%
Chi khác HĐKD bảo hiểm	100,282	107,201	6.90%
Chi phí quản lý	40,955	46,663	13.94%
Chi phí HD ĐTTC	58,948	57,096	-3.14%
Chi phí khác	720	571	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	256,399	240,200	-6.32%
Lợi nhuận từ HĐKD bảo hiểm	62,650	23,154	-63.04%
Lợi nhuận từ HĐ ĐTTC	194,469	217,617	11.90%
Lợi nhuận khác	-720	-571	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	202,162	190,525	-5.76%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hanoi Re năm 2023, 2024

Đánh giá:

Trong năm 2024, Hanoi Re tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cần trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước.

Năm 2024, Tổng doanh thu lần đầu tiên vượt mốc 3.000 tỷ (3.017,3 tỷ), hoàn thành 106,6% so với kế hoạch, tăng 1% so với năm 2023. Trong đó tiếp tục đạt mốc doanh thu phí cao nhất trong lịch sử từ khi thành lập Hanoi re (2.483,4 tỷ), hoàn thành 108% kế hoạch và tăng 1% so với cùng kỳ. Dem lại 240,2 tỷ lợi nhuận trước thuế, hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2024 đạt 217,6 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2023 và hoàn thành 115% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được là do công ty đã tích cực thu đòi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chỉ đạt 23,2 tỷ đồng chỉ hoàn thành 46% kế hoạch, nguyên nhân là do những khó khăn do thảm họa thiên tai bão Yagi gây ra trong năm 2024.

Với kết quả kinh doanh và lợi nhuận trên, trong năm 2024, Công ty đã thực hiện 2 đợt chi trả cổ tức bằng tiền, trong đó: thực hiện chi trả cổ tức lần 2 năm 2024 vào tháng 08/2024 với tỷ lệ 4,5%, và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2024 vào tháng 12/2024 với tỷ lệ 11,5%.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: Không có thay đổi trong năm

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc	1981	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 124.737 cổ phần chiếm 0,12% vốn điều lệ
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc	1973	Thạc sỹ Thương mại quốc tế và Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 14.340 cổ phần (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc	1976	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần (chiếm 0,05% vốn điều lệ)
Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc	1976	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	1986	Cử nhân Kế toán	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 45 người. Các chính sách đối với người lao động vẫn được duy trì trong kỳ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Đơn vị: Triệu đồng

Hình thức đầu tư	Số dư đầu tư
Tiền gửi	2.127.111
Trái phiếu	150.000
Ủy thác đầu tư	317.166
Quỹ đầu tư (PIF + POF)	578.545

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.883.530	6.700.999	13,89%
Vốn chủ sở hữu	1.593.583	1.609.992	1,03%
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	2.457.313	2.483.361	1,06%
Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại	1.059.662	1.235.216	16,57%
Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	253.417	274.713	8,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	62.650	23.154	-63,04%
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính	194.469	217.617	11,90%
Lợi nhuận khác	-720	-571	-20,72%
Lợi nhuận trước thuế	256.399	240.200	-6,32%
Lợi nhuận sau thuế	202.162	190.525	-5,76%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.05	1.12	Lấn
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.98	1.05	Lấn
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	72.9%	76.0%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.69	3.16	Lấn

3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12.2%	11.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	16.1%	11.9%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3.4%	3.0%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	15.5%	14.7%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 104.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 104.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 22/11/2024 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam):

Danh mục	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Tổng
1. Cổ đông Nhà nước:	0%	0%	0%
2. Cổ đông khác:			
- Cá nhân	16,47%	0,34%	16,81%
- Tổ chức	82,70%	0,49%	83,19%
Tổng	99,17%	0,83%	100,00%

Danh mục	Tỷ lệ
1. Cổ đông lớn	87,98%
2. Cổ đông nhỏ	12,02%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của công ty tái bảo hiểm là 100%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, Hanoi Re đã thực hiện các đợt thay đổi vốn, cụ thể như sau:

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 10/2013	Tổng công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ từ 460.000.000.000 đồng lên 668.000.000.000 đồng.			+ Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/ KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013.
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	6.000.000	728.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018.
Từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2023	31.600.000	1.044.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022; + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 343/GCN-UBCK ngày 02/12/2022; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC5/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 03/08/2023.

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu: 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Bộ Tài chính

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016

- Vốn điều lệ trước phát hành: 668.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau phát hành: 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn năm 2016: Bộ Tài chính, Đại hội đồng cổ đông công ty.

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022

- Vốn điều lệ trước phát hành: 728.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.044.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 31.600.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 182:79 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 334 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 334 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn này: Bộ Tài chính, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Đại hội đồng cổ đông công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Tiêu thụ nước:

- Nguồn nước sử dụng: nước sạch sông Đà.
- Khối lượng nước sử dụng: Bình quân 1,5m³/ ngày đêm.
- Mục đích sử dụng nguồn nước: Dùng cho sinh hoạt, nước tưới cây rửa sàn, nước giải nhiệt điều hòa. Quản lý nước thải tại tòa nhà PVI
- Lưu lượng nước thải trung bình (m³/ngày): 1,2m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại cải tiến với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí Bastaf.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố. Quản lý chất thải tại tòa nhà PVI (chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại..)

b. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

c. Chính sách liên quan đến người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số nhân viên của Công ty là 45 người.

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty cũng thường xuyên bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc với các chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương và thưởng: Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người

lao động theo quy định của pháp luật. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào hiệu quả công việc cũng như những thành tích nổi bật.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ nhân viên. Năm 2024, Công ty vẫn tiếp tục triển khai mua bảo hiểm phúc lợi cho các cán bộ cấp cao nhằm tăng tính gắn kết lâu dài của người lao động với Công ty.

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2024, Hanoi Re đã tham gia các phong trào phát động tại địa phương, đóng góp vào các quỹ hỗ trợ và các hoạt động từ thiện khác như hiến máu nhân đạo, chung tay cùng đồng bào miền Bắc khắc phục hậu quả cơn bão Yagi, đem Tết Trung Thu ấm áp tới Viện Huyết học Truyền máu Trung ương, tài trợ chương trình của Hội sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, đẩy mạnh hợp tác đào tạo và trao đổi chuyên môn với các trường đại học.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

So với kế hoạch kinh doanh 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả kinh doanh năm 2024 đã đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt 3.017,3 tỷ đồng, hoàn thành 106,6% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 2.483,4 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch.
- Tổng chi phí là 2.777,1 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 240,2 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch. Trong đó, tuy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chỉ đạt 23,2 tỷ đồng do các khó khăn về thảm họa thiên tai bão Yagi, chỉ hoàn thành 46% kế hoạch; thì lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 217,6 tỷ đồng, hoàn thành 115% kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiết	2023		2024		Tăng giảm	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	+/-	%
Tiền và các khoản đầu tư tài chính	2.814.787	48%	3.181.501	47%	366.714	13%
Các khoản phải thu ngắn hạn	551.010	9%	668.022	10%	117.012	21%
Tài sản tái bảo hiểm	2.166.381	37%	2.434.398	36%	268.017	12%
Tài sản khác	351.353	6%	417.078	6%	65.725	19%
Tổng tài sản	5.883.530	100%	6.700.999	100%	817.469	14%
Nợ phải trả	774.744	13%	947.996	14%	173.252	22%
Dự phòng nghiệp vụ	3.515.203	60%	4.143.010	62%	627.807	18%
Vốn chủ sở hữu	1.593.583	27%	1.609.992	24%	16.409	1%
Tổng nguồn vốn	5.883.530	100%	6.700.999	100%	817.469	14%

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024 của Hanoi Re đạt 6.701 tỷ đồng, tăng 817,5 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2023 (tương đương 14%), trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 85% tổng tài sản, đạt giá trị 5.717,6 tỷ đồng chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tỷ trọng 33,3%) và tài sản tái bảo hiểm (tỷ trọng 36,3%). Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 là 668 tỷ đồng, tăng so với thời điểm cuối năm 2023 là 117 tỷ đồng (tương đương 21%). Các khoản phải thu khách hàng tăng 116,9 tỷ đồng tương đương 21%, chủ yếu do các khoản phải thu từ hợp đồng bảo hiểm tăng 77,4 tỷ từ 455,7 tỷ lên 533,1 tỷ (tương đương 17%). Số dư các khoản tiền gửi ngắn hạn cũng tăng 789,7 tỷ tương ứng tăng 53% so với năm 2023 do Hanoi Re đã tích cực thu đòi công nợ, tính toán và sử dụng hiệu quả dòng tiền kinh doanh.

Về Cơ cấu tài sản tại thời điểm cuối năm 2024, tiền và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.181,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng cao nhất 47% tổng tài sản, các khoản đầu tư tài chính của Hanoi Re chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, trái phiếu đầu tư vào 2 quỹ POF, PIF và ủy thác đầu tư. Tài sản tái bảo hiểm có giá trị 2.434,4 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 36% tổng tài sản. Phải thu ngắn hạn khách hàng chiếm 10% trong cơ cấu tài sản. Các khoản nợ phải thu chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm và được trích dự phòng đầy đủ theo đúng qui định.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là 948 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14% tổng nguồn vốn và tăng 173,3 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là khoản nợ phải trả bồi

thường nhận tái bảo hiểm

Các khoản dự phòng nghiệp vụ là 4.143 tỷ đồng, có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn vốn chiếm 62%, tăng 627,8 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

Về Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 là 1.610 tỷ đồng, tăng nhẹ 16,4 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó phần thặng dư vốn cổ phần là 329,3 tỷ đồng, quỹ dự trữ bắt buộc là 81,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 là 155,2 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2024, Hanoi Re thực hiện chi trả 2 đợt cổ tức bằng tiền mặt tương đương tỷ lệ 16%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để tăng cường các công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ, Hanoi Re đã ban hành các Quy định, Quy chế liên quan; thực hiện tiếp nhận và bổ nhiệm 01 Chuyên gia tính toán từ ngày 21/06/2024, ban hành Quy chế Công bố thông tin, Quy trình Kiểm toán nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời và xây dựng hợp đồng cố định mới. Tìm kiếm thêm năng lực tái chuyển tiếp cũng như nghiên cứu mở rộng khai thác các dịch vụ, sản phẩm mới.
- Liên tục phát triển và tìm kiếm khách hàng, Nghiên cứu mở rộng khai thác các dịch vụ, sản phẩm mới, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm. Đa dạng tìm kiếm cơ hội cho hoạt động giám định rủi ro. Tăng cường cung cấp dịch vụ định phí bảo hiểm.
- Tiếp tục mở rộng và tăng cường hoạt động tiếp xúc khách hàng ở các thị trường trọng điểm và các thị trường mới nhằm tìm kiếm cơ hội.
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính. Tăng cường làm việc với các đối tác để tăng hiệu quả các phương án đầu tư.
- Hoàn thiện và triển khai hệ thống kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro.
- Tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin, phát triển và tăng cường ứng dụng AI vào hoạt động kinh doanh.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: đã báo cáo tại phần Tình hình hoạt động năm 2024.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2024, HĐQT Hanoi Re đã chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao như sau:

- Tổng doanh thu đạt 3.017,2 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch;

- Tổng chi phí là 2.777,1 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch;
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 240,2 tỷ đồng, hoàn thành đúng kế hoạch;
- Đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức là 16%, đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2024 lần 1 vào tháng 12/2024 với tỷ lệ 11,5%.

2. Hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả:

Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2024 đạt 3.148,2 tỷ đồng, tăng 578,4 tỷ đồng so với năm 2023. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính đạt 217,6 tỷ đồng, hoàn thành 115% so với kế hoạch đề ra. Tỷ trọng Lợi nhuận đầu tư tài chính trên Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 90,6%.

Trong năm 2024, Hanoi Re ghi nhận sự hiệu quả trong việc cân đối và sử dụng dòng tiền kinh doanh. Danh mục đầu tư tài chính của Hanoi Re tương đối an toàn với tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng cao 66%, trái phiếu và ủy thác đầu tư chiếm 16%, còn lại là đầu tư vào 2 quỹ đầu tư POF, PIF.

3. Công tác quản trị công ty:

Hệ thống quản trị nội bộ được hoàn thiện: tiếp tục xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ (ERM); xây dựng báo cáo tài chính chuẩn IFRS đáp ứng đúng tiến độ và chuẩn bị được áp dụng chính thức.

4. Xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best:

Tháng 3/2024, Hanoi Re đã bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best và tiếp tục khẳng định xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt), xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (triển vọng: Tích cực).

5. Công tác quan hệ cổ đông:

Hanoi Re là doanh nghiệp đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán luôn minh bạch và tuân thủ các quy định về công bố thông tin. Các thủ tục chốt danh sách cổ đông và chốt quyền của cổ đông cũng được chú trọng và thực hiện theo đúng các quy định, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại từ phía cổ đông. Hanoi Re cũng duy trì kênh thông tin truyền thông để giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các cổ đông và nhà đầu tư một cách kịp thời.

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đã thực hiện giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm 2024:

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý;
- Kịp thời chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành kiện toàn công tác nhân sự;

- Theo sát hoạt động kinh doanh của Công ty, ký các văn bản, xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT do Tổng giám đốc trình;
- Về công tác đầu tư, HĐQT đã sát sao chỉ đạo Ban điều hành theo dõi các biến động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

Trong năm 2024, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện thành công các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

7. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Hanoi Re hoàn thành kế hoạch năm 2025.
- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát, kiểm toán nội bộ. Chỉ đạo hoàn thiện và đưa vào áp dụng báo cáo IFRS 17 theo yêu cầu.
- Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
- Chỉ đạo tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.
- Chỉ đạo xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống. Triển khai các dự án công nghệ, phần mềm (Phần mềm theo dõi thu nhập, Thuế TNCN, các báo cáo nghiệp vụ ứng dụng tích hợp các chức năng quản trị khác...).

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu/ đại diện
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT	1976	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 36.540.000 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT	1969	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 26.100.000 cổ phần chiếm 25% vốn điều lệ

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu/ đại diện
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	1969	Cử nhân Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 49.091 cổ phần chiếm 0,05% vốn điều lệ
Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT	1975	Thạc sỹ Kế toán	Số cổ phần đại diện sở hữu: 22.017.960 cổ phần chiếm 21,09% vốn điều lệ
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	1995	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 7.192.814 cổ phần chiếm 6,89% vốn điều lệ

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ủy ban Kiểm toán

a. Thành viên và cơ cấu của UBKT:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT	Trình độ chuyên môn
1	Trịnh Văn Lượng	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021	Cử nhân Tài chính
2	Trần Duy Cường	Thành viên UBKT	Bổ nhiệm ngày 27/10/2021	Thạc sỹ Kế toán

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

STT	Thành viên UBK Thù lao & Bổ nhiệm	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UB Thù lao & Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Dương Thanh Danh Francois	Chủ nhiệm UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
2	Phùng Tuấn Kiên	Thành viên UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
3	Trần Duy Cường	Thành viên UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Kế toán

c. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, HĐQT Hanoi Re đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc một cách sâu sát, kịp thời đưa ra những chỉ đạo nhằm giúp Ban Tổng giám đốc

điều hành hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi, hiệu quả phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Hanoi Re cũng như theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ngoài việc thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm, ĐHĐCĐ đã thông qua nhiều nội dung quan trọng bao gồm: Thông qua nội dung Báo cáo về việc tình hình sử dụng vốn sau khi tăng vốn lên 1044 tỷ đồng; Thông qua nội dung Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.
- Trong năm 2024, HĐQT Hanoi Re đã tổ chức 04 phiên họp HĐQT vào các ngày 22/03/2024; 28/06/2024; 30/09/2024 và 14/11/2024. Các phiên họp của HĐQT cũng thường xuyên có sự tham gia của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán để cùng nắm bắt được tình hình cũng như đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi đưa ra Nghị quyết, Quyết định. HĐQT đã ban hành 40 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 18 Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty.
- HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và đưa ra những chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo và đẩy mạnh các hoạt động để nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ, tập trung chủ yếu vào các nội dung chủ yếu như sau:
 - + Ban hành Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2024 của Hanoi Re.
 - + Ban hành Quy chế đầu tư, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin, Quy trình Kiểm toán nội bộ sửa đổi lần 1.
- HĐQT đã chỉ đạo công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 về cả doanh thu và lợi nhuận.

d. Các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và UBKT:

- Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định và đã thực hiện báo cáo tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.

- Cuộc họp của UBKT: 04 cuộc họp
- Hoạt động giám sát Hoạt động giám sát của UBKT/BKT đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:
Trong năm 2024, UBKT/BKT đã thực hiện 04 Báo cáo Kiểm tra, giám sát; nội dung chủ yếu là về Tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính cũng như tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Các báo cáo này đã được trình bày thảo luận tại các cuộc họp HĐQT.
- Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:
HĐQT, Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện để UBKT/BKT thực hiện tốt chức năng của mình, UBKT/BKT nhận được đầy đủ tài liệu và tham dự các cuộc họp của HĐQT. Các ý kiến của UBKT/BKT gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc được chuyển đầy đủ và kịp thời.

Hoạt động của Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm:

- Cuộc họp của UB Thù lao và Bổ nhiệm: 04 cuộc họp
- Hoạt động UB Thù lao và Bổ nhiệm đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:
Trong năm 2024, UB Thù lao và Bổ nhiệm đã tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao của Hanoi Re.
- Sự phối hợp hoạt động giữa UB Thù lao và Bổ nhiệm đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: HĐQT, Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện để UB Thù lao và Bổ nhiệm thực hiện tốt chức năng của mình và đưa ra các ý kiến tới HĐQT đầy đủ và kịp thời.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.
- Giao dịch cổ phiếu của bên liên quan của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do
1	Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	1.130.000	1.580.000	Mua vào

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.
- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hanoi Re tuân thủ các quy định của Pháp Luật liên quan đến mô hình tổ chức, các hoạt động quản trị công ty cũng như hoạt động kinh doanh.

HĐQT luôn đẩy mạnh các hoạt động nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị, giám sát và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

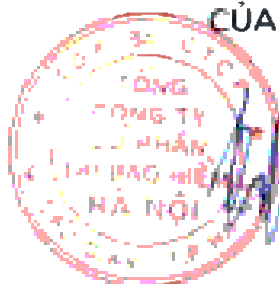
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được đính kèm bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TH-ĐT.



Phùng Tuấn Kiên
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hanoi Re 

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Số: 0450 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2023-001-1

Nguyễn Khương Duy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5063-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC

ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		5.717.559.646.451	4.524.705.560.767
I. Tiền	110	4	8.678.819.224	21.145.198.339
1. Tiền	111		8.678.819.224	21.145.198.339
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.229.124.600.000	1.476.943.752.350
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.229.124.600.000	1.476.943.752.350
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		668.022.058.279	551.009.651.362
1. Phải thu của khách hàng	131	6	670.312.225.805	553.363.867.834
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		533.044.778.420	455.660.505.725
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		137.267.447.385	97.703.362.109
2. Các khoản phải thu khác	135		1.235.322.348	644.731.186
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(3.525.489.874)	(2.998.947.658)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		377.336.009.725	309.225.925.934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		377.127.901.768	309.225.925.934
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	8	376.802.919.886	309.002.488.756
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	8	324.981.882	223.437.178
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	208.107.957	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	14	2.434.398.159.223	2.166.381.032.782
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		612.762.726.482	694.160.522.593
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.821.635.432.741	1.472.220.510.189
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		983.439.458.930	1.358.824.739.644
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		10.000.000.000	10.000.000.000
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.500.088.629	3.361.909.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.131.632.133	2.597.767.222
- Nguyên giá	222		10.059.665.693	9.748.665.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.928.033.560)	(7.150.898.471)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	368.456.496	764.142.603
- Nguyên giá	228		25.199.795.000	25.169.870.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.831.338.504)	(24.405.727.397)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	943.697.672.810	1.316.697.672.810
1. Đầu tư dài hạn khác	258		943.697.672.810	1.316.697.672.810
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.241.697.491	28.765.157.009
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	27.241.697.491	28.765.157.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.700.999.105.381	5.883.530.300.411

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		5.091.006.632.844	4.289.946.854.087
I. Nợ ngắn hạn	310		5.091.006.632.844	4.289.946.854.087
1. Phải trả cho người bán	312	11	804.756.355.933	599.333.173.168
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		764.338.002.997	557.817.147.431
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		40.418.352.936	41.516.025.737
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	17.711.431.852	24.554.569.220
3. Phải trả người lao động	315		4.327.680.231	19.484.913.180
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	11.393.800.239	10.278.604.135
5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	13	102.430.367.580	114.682.983.666
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.376.682.235	6.409.586.395
7. Dự phòng nghiệp vụ	329	14	4.143.010.314.774	3.515.203.024.323
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		1.284.655.328.997	1.233.129.373.507
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		2.713.418.464.738	2.089.193.609.830
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		144.936.521.039	192.880.040.986
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.609.992.472.537	1.593.583.446.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	1.609.992.472.537	1.593.583.446.324
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.044.000.000.000	1.044.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.044.000.000.000	1.044.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		329.328.334.779	329.328.334.779
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		81.382.846.767	71.856.612.511
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.281.290.991	148.398.499.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.700.999.105.381	5.883.530.300.411

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	85.402,82	95.944,21
Bảng Anh	GBP	-	16.720,57
Euro	EUR	3.859,73	12.047,56

Trần Quốc Cường
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.361.565.571.866	1.407.693.868.143
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	274.712.940.672	253.416.943.329
3. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.291.749.200.279	1.304.089.168.011
4. Chi phí hoạt động tài chính	22	57.096.202.014	58.947.831.646
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	46.662.734.474	40.954.851.005
6. Chi phí khác	24	570.529.080	719.665.917
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	240.199.846.691	256.399.294.893
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49.675.161.563	54.237.611.608
9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	190.524.685.128	202.161.683.285
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.761	2.240

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.2 - 01.3)	01	16		2.431.835.154.282	2.411.269.384.097
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2			2.483.361.109.772	2.457.312.989.701
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3			51.525.955.490	46.043.605.604
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1 - 02.2)	02	17		1.329.542.904.114	1.282.766.938.863
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1			1.248.145.108.003	1.397.650.634.638
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2			(81.397.796.111)	114.883.695.775
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03			1.102.292.250.168	1.128.502.445.234
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04			259.273.321.698	279.191.422.909
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1			226.896.165.168	245.054.647.415
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2			32.377.156.530	34.136.775.494
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10			1.361.565.571.866	1.407.693.868.143
6. Chi bồi thường (11= 11.1)	11			833.493.927.602	890.048.683.782
- Tổng chi bồi thường	11.1			833.493.927.602	890.048.683.782
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12			526.928.174.946	464.017.012.903
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13			624.224.854.908	(202.173.142.133)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14			349.414.922.552	(277.034.502.089)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	18		581.375.685.012	500.893.030.835
11. (Giảm)/Tăng dự phòng dao động lớn <i>Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn</i>	16			(47.943.519.947) 85.000.000.000	31.789.870.652 -
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	19		758.317.035.214	771.406.266.524
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1			651.116.051.246	671.124.646.489
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2			107.200.983.968	100.281.620.035
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18			1.291.749.200.279	1.304.089.168.011
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19			69.816.371.587	103.604.700.132

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước
	Mã số	minh		
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	20	274.712.940.672	253.416.943.329
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	21	57.096.202.014	58.947.831.646
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		217.616.738.658	194.469.111.683
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	46.662.734.474	40.954.851.005
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		240.770.375.771	257.118.960.810
20. Chi phí khác	32		570.529.080	719.665.917
21. (Lỗ) khác (40 = - 32)	40		(570.529.080)	(719.665.917)
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		240.199.846.691	256.399.294.893
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	49.675.161.563	54.237.611.608
24. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		190.524.685.128	202.161.683.285
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.761	2.240

Trần Quốc Cường
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng




Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	1.674.782.547.886	1.134.446.596.230
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	02	2.406.036.277	7.186.007.418
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	03	2.000.000.000	1.107.573.373
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	04	(462.510.682.429)	(256.343.706.836)
5. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	05	(669.217.553.081)	(631.798.764.186)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	06	(61.426.851.724)	(67.195.943.821)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	07	(57.843.057.541)	(45.201.863.863)
8. Trả tiền lãi vay	08	(6.509.111.857)	(9.641.102.308)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(79.540.327.807)	(63.985.121.673)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(5.562.967.219)	(5.473.121.709)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(2.217.559.118)	(4.731.213.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	334.360.473.387	58.369.339.034
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền mua sắm tài sản cố định	21	(500.730.000)	(232.209.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.999.036.502.448)	(2.224.454.419.764)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	1.619.855.654.798	1.529.184.537.322
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	198.189.433.597	169.088.289.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181.492.144.053)	(526.413.802.056)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do chủ sở hữu góp vốn	31		57.145.014.773
2. Tiền thu từ đi vay	33	677.863.125.117	470.028.419.198
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(677.863.125.117)	(470.028.419.198)
4. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(165.650.970.093)	(169.429.792.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(165.650.970.093)	(112.284.777.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(12.782.640.759)	(580.329.240.530)
Tiền đầu năm	60	21.145.198.339	601.499.861.209
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	316.261.644	(25.422.340)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	8.678.819.224	21.145.198.339


Trần Quốc Cường
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC4/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.044.000.000.000 VND, và theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC5/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 03 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holdings"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối năm		Vốn thực góp tại ngày đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	846.536.100.000	81,09%	846.536.100.000	81,09%
Nguyễn Phúc Anh	71.928.140.000	6,89%	71.928.140.000	6,89%
Các cổ đông khác	125.535.760.000	12,02%	125.535.760.000	12,02%
	1.044.000.000.000	100%	1.044.000.000.000	100%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính; và
- Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị hợp lý của tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư và các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước được xác định bằng giá trị ghi sổ do thời hạn đáo hạn ngắn hạn và/ hoặc không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất Thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản ủy thác đầu tư bao gồm các ủy thác đầu tư trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất thị trường.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải
Thiết bị văn phòng

Số năm

6

3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán "Ghi nhận chi phí".

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phí nhân thọ

Dự phòng phí

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn:

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được sử dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm có dao động lớn về tổn thất.

Nghiệp vụ bảo hiểm được coi là có dao động lớn về tổn thất khi tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp, chi nhánh đối với nghiệp vụ bảo hiểm đó.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối:

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành được xác định tương đối chắc chắn. Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ. Tại thời điểm lập báo cáo doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác định phần công việc đã hoàn thành.

Ghi nhận chi phí

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu đòi tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm tài chính này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.501.356.780	20.967.735.895
	8.678.819.224	21.145.198.339

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.594.276.822.810	2.594.276.822.810	-	2.215.095.975.160	2.215.095.975.160	-
Ngắn hạn	2.229.124.600.000	2.229.124.600.000	-	1.476.943.752.350	1.476.943.752.350	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.776.959.000.000	1.776.959.000.000	-	987.256.885.774	987.256.885.774	-
- Ủy thác đầu tư (ii)	317.165.600.000	317.165.600.000	-	489.686.866.576	489.686.866.576	-
- Chứng chỉ tiền gửi (iii)	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-
Dài hạn	365.152.222.810	365.152.222.810	-	738.152.222.810	738.152.222.810	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	215.152.222.810	215.152.222.810	-	658.152.222.810	658.152.222.810	-
- Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
- Trái phiếu (v)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	578.545.450.000	590.904.728.381	-	578.545.450.000	591.121.962.311	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (vi)	304.545.450.000	310.640.876.396	-	304.545.450.000	311.265.155.898	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) (vii)	274.000.000.000	280.263.851.985	-	274.000.000.000	279.856.806.413	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh các khoản chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có kỳ hạn 7 năm, lãi được trả định kỳ hàng năm với mức lãi suất quy định trong hợp đồng.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vii) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	533.044.778.420	455.660.505.725
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	307.734.516.222	257.490.092.989
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	225.310.262.198	198.170.412.736
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	137.267.447.385	97.703.362.109
	670.312.225.805	553.363.867.834

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng trong nước	546.577.529.810	462.201.959.233
Phải thu khách hàng nước ngoài	123.734.695.995	91.161.908.601
	670.312.225.805	553.363.867.834

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 27):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	212.547.686.406	127.225.528.086
Hannover Re	8.129.433.804	3.304.288.100
Hannover Re - Malaysia Branch	(12.688.862)	1.803.252.536
HDI Global Specialty SE		25.508.907
	220.664.431.348	132.358.577.629

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	7.560.749.878	4.035.260.004	3.525.489.874	5.133.305.075	2.134.357.417	2.998.947.658
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV	3.416.013.082	2.107.650.458	1.308.362.624	821.649.347	371.701.475	449.947.872
- Sogaz Russia	813.631.336	329.807.773	483.823.563	55.968.025	26.165.712	29.802.313
- JLT Re Asia	516.034.831	150.394.468	365.640.363	482.506.509	224.881.617	257.624.892
- Tokio Marine Kiln Singapore Pte Limited	202.805.504	20.596.766	182.208.738	202.805.504	77.319.064	125.486.440
- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm LPBank	328.548.704	167.243.589	161.305.115	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	159.844.516	-	159.844.516	501.609.722	90.192.808	411.416.914
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	-	-	-	701.126.475	188.998.730	512.127.745
- JLT Specialty Pte Ltd	64.617.283	19.385.185	45.232.098	451.170.826	225.585.413	225.585.413
- Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam	-	-	-	331.499.070	170.556.969	160.942.101
- Trust Re Malaysia	-	-	-	231.648.317	41.355.435	190.292.882
- AON Re Asia	-	-	-	191.232.266	2.295.381	188.936.885
- Phải thu các đối tượng khác	2.059.254.622	1.240.181.765	819.072.857	1.162.089.014	715.304.813	446.784.201

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	309.002.488.756	371.763.891.853
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	718.916.482.376	608.363.243.392
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(651.116.051.246)	(671.124.646.489)
Số dư cuối năm	376.802.919.886	309.002.488.756
b) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.613.227	65.280.909
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	262.368.655	158.156.269
	324.981.882	223.437.178
c) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà PVI	25.354.577.605	26.232.520.710
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.887.119.886	2.532.636.299
	27.241.697.491	28.765.157.009

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.688.880.000	7.059.785.693	9.748.665.693
Mua sắm mới	-	311.000.000	311.000.000
Số dư cuối năm	2.688.880.000	7.370.785.693	10.059.665.693
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	558.648.583	6.592.249.888	7.150.898.471
Khấu hao trong năm	449.374.466	327.760.623	777.135.089
Số dư cuối năm	1.008.023.049	6.920.010.511	7.928.033.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.130.231.417	467.535.805	2.597.767.222
Tại ngày cuối năm	1.680.856.951	450.775.182	2.131.632.133

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.299.939.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.139.549.385 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	25.169.870.000
Tăng trong năm	29.925.000
Số dư cuối năm	25.199.795.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	24.405.727.397
Khấu hao trong năm	425.611.107
Số dư cuối năm	24.831.338.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	764.142.603
Tại ngày cuối năm	368.456.496

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 23.908.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 23.908.313.000 VND).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	764.338.002.997	557.817.147.431
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	453.792.758.291	360.242.067.858
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	249.859.975.580	141.922.292.710
- Phải trả khác	60.685.269.126	55.652.786.863
Phải trả khác cho người bán	40.418.352.936	41.516.025.737
	804.756.355.933	599.333.173.168

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả người bán trong nước	549.244.646.553	441.075.197.245
Phải trả người bán nước ngoài	255.511.709.380	158.257.975.923
	804.756.355.933	599.333.173.168

Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 27):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	146.306.622.103	93.800.102.235
Hannover Re	28.592.869.307	12.262.328.770
Hannover Re - Malaysia Branch	(358.130)	1.283.278.036
HDI Global Specialty SE	-	765.511.489
	174.899.133.280	108.111.220.530

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	-	43.564.675	1.692.255.751	1.698.313.395	-	37.507.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.048.266.407	49.675.161.563	54.664.131.341	-	17.059.296.629
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.251.504.626	19.464.319.886	21.256.775.196	-	459.049.316
Thuế nhà thầu	-	186.234.294	1.684.923.035	1.715.578.453	-	155.578.876
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.999.218	369.537.374	602.644.549	208.107.957	-
	-	24.554.569.220	72.889.197.609	79.940.442.934	208.107.957	17.711.431.852

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu năm	114.682.983.666	127.944.214.714
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	214.643.549.082	231.793.416.367
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(226.896.165.168)	(245.054.647.415)
Số dư cuối năm	102.430.367.580	114.682.983.666
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
b) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.282.827.547	1.599.608.983
Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân sự cấp cao	3.745.000.000	3.665.000.000
Phải trả về kinh phí tăng cường công tác quản lý giám sát thị trường bảo hiểm	745.008.334	1.470.437.030
Phải trả PVI AM về chi phí ủy thác đầu tư	2.023.402.568	1.478.881.320
Phải trả PVI Holdings liên quan đến chi phí văn phòng và công nghệ thông tin	929.420.291	745.307.931
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.668.141.499	1.319.368.871
	11.393.800.239	10.278.604.135

Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần PVI	929.420.291	745.307.931
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	2.023.402.568	1.478.881.320
	2.952.822.859	2.224.189.251

14. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.284.655.328.997	612.762.726.482	671.892.602.515	1.233.129.373.507	694.160.522.593	538.968.850.914
2. Dự phòng bồi thường	2.713.418.464.738	1.821.635.432.741	891.783.031.997	2.089.193.609.830	1.472.220.510.189	616.973.099.641
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	2.589.250.409.249	1.759.228.177.341	830.022.231.909	1.966.327.960.345	1.402.337.978.457	563.989.981.888
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	124.168.055.489	62.407.255.400	61.760.800.088	122.865.649.485	69.882.531.732	52.983.117.753
Cộng	3.998.073.793.735	2.434.398.159.223	1.563.675.634.512	3.322.322.983.337	2.166.381.032.782	1.155.941.950.555

Trong đó chi tiết:

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1.233.129.373.507	694.160.522.593	538.968.850.914	1.187.085.767.903	579.276.826.818	607.808.941.085
Số trích thêm/(hoàn nhập) trong năm	51.525.955.490	(81.397.796.111)	132.923.751.601	46.043.605.604	114.883.695.775	(68.840.090.171)
Số dư cuối năm	1.284.655.328.997	612.762.726.482	671.892.602.515	1.233.129.373.507	694.160.522.593	538.968.850.914

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2. Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	2.089.193.609.830	1.472.220.510.189	616.973.099.641	2.291.366.751.963	1.749.255.012.278	542.111.739.685
Số trích thêm/(hoàn nhập) trong năm	624.224.854.908	349.414.922.552	274.809.932.356	(202.173.142.133)	(277.034.502.089)	74.861.359.956
Số dư cuối năm	2.713.418.464.738	1.821.635.432.741	891.783.031.997	2.089.193.609.830	1.472.220.510.189	616.973.099.641

Dự phòng dao động lớn:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	192.880.040.986	161.090.170.334
Số trích thêm trong năm	37.056.480.053	31.789.870.652
Số sử dụng trong năm (*)	(85.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	144.936.521.039	192.880.040.986

(*) Số dự phòng dao động lớn sử dụng trong năm để bù đắp phần thiếu hụt của một số loại hình bảo hiểm có tổn thất thuộc phần trách nhiệm giữ lại lớn hơn phí giữ lại trừ (-) dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	728.000.000.000	-	61.931.718.308	133.802.118.822	923.733.837.130
Tăng vốn trong năm	316.000.000.000	329.328.334.779	-	-	645.328.334.779
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	202.161.683.285	202.161.683.285
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	9.924.894.203	(9.924.894.203)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(171.076.000.000)	(171.076.000.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	(6.564.408.870)	(6.564.408.870)
Số dư đầu năm nay	1.044.000.000.000	329.328.334.779	71.856.612.511	148.398.499.034	1.593.583.446.324
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	190.524.685.128	190.524.685.128
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	-	9.526.234.256	(9.526.234.256)	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(167.040.000.000)	(167.040.000.000)
Trích quỹ khác (iii)	-	-	-	(7.075.658.915)	(7.075.658.915)
Số dư cuối năm nay	1.044.000.000.000	329.328.334.779	81.382.846.767	155.281.290.991	1.609.992.472.537

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 54, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.
- (ii) Chia cổ tức cho cổ đông trong năm bao gồm:
- Chi trả phần cổ tức còn lại năm 2023 theo Nghị quyết số 18/NQ-Hanoi Re ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Quản trị căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc chi trả phần cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 4,5%.
 - Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2024 theo Nghị quyết số 33/NQ-Hanoi Re ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị với mức chi trả 11,5% bằng tiền.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	104.400.000	104.400.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	104.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.400.000	104.400.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	104.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.400.000	104.400.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	104.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.483.361.109.772	2.457.312.989.701
Bảo hiểm con người	213.534.024.108	371.317.933.841
Bảo hiểm năng lượng	22.462.031.722	25.265.179.579
Bảo hiểm kỹ thuật	414.386.575.559	394.339.291.092
Bảo hiểm tài sản	1.066.568.997.571	855.957.408.897
Bảo hiểm hàng hoá	155.533.734.812	165.531.742.339
Bảo hiểm hàng không	13.750.896.560	13.024.011.872
Bảo hiểm xe cơ giới	204.656.860.997	199.526.679.062
Bảo hiểm cháy nổ	100.139.972.656	160.605.245.229
Bảo hiểm thân tàu và P&I	239.854.662.852	217.696.184.352
Bảo hiểm khác	52.473.352.935	54.049.313.438
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(51.525.955.490)	(46.043.605.604)
	2.431.835.154.282	2.411.269.384.097

17. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.248.145.108.003	1.397.650.634.638
Bảo hiểm con người	2.143.652.838	176.060.800.257
Bảo hiểm năng lượng	20.085.125.513	17.270.220.753
Bảo hiểm kỹ thuật	203.581.397.327	212.668.733.000
Bảo hiểm tài sản	675.831.152.760	589.410.266.264
Bảo hiểm hàng hoá	94.575.333.841	98.791.158.582
Bảo hiểm hàng không	11.799.208.332	11.641.577.393
Bảo hiểm xe cơ giới	1.213.809.239	4.430.418.930
Bảo hiểm cháy nổ	81.691.138.939	138.193.331.851
Bảo hiểm thân tàu và P&I	142.514.741.805	124.744.448.536
Bảo hiểm khác	14.709.547.409	24.439.679.072
Giảm/(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	81.397.796.111	(114.883.695.775)
	1.329.542.904.114	1.282.766.938.863

18. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng chi bồi thường	833.493.927.602	890.048.683.782
Bảo hiểm con người	61.541.075.125	68.637.243.005
Bảo hiểm năng lượng	4.019.311.791	24.973.492.283
Bảo hiểm kỹ thuật	53.262.326.409	65.890.758.306
Bảo hiểm tài sản	354.184.767.093	240.449.369.603
Bảo hiểm hàng hoá	30.621.054.302	33.862.795.079
Bảo hiểm hàng không	2.915.008.071	1.382.343.201
Bảo hiểm xe cơ giới	83.215.147.228	219.356.754.951
Bảo hiểm cháy nổ	111.823.070.554	47.328.878.313
Bảo hiểm thân tàu và P&I	125.970.901.171	178.145.154.525
Bảo hiểm khác	5.941.265.858	10.021.894.516
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(526.928.174.946)	(464.017.012.903)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	624.224.854.908	(202.173.142.133)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(349.414.922.552)	277.034.502.089
	581.375.685.012	500.893.030.835

19. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	651.116.051.246	671.124.646.489
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	9.189.060.053	7.503.916.595
Chi khác nhận tái bảo hiểm	30.172.605.054	27.120.846.834
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	67.839.318.861	65.657.636.606
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	31.134.737.766	29.472.257.637
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.527.449	185.475.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.849.595.332	5.897.974.127
Chi phí khác	31.697.458.314	30.101.949.434
	758.317.035.214	771.406.266.524

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	148.481.639.513	148.923.604.806
Lãi trái phiếu	4.727.589.041	7.221.959.026
Lãi ủy thác đầu tư	37.103.563.419	15.229.379.616
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.959.421.799	29.972.909.381
Cổ tức lợi nhuận được chia	47.440.726.900	52.069.090.500
	274.712.940.672	253.416.943.329

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.509.111.853	9.641.102.309
Chi phí ủy thác đầu tư	3.929.632.429	1.608.377.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá	37.104.963.300	28.450.204.979
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	493.500.000	200.000.000
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	9.058.994.432	19.048.146.708
	57.096.202.014	58.947.831.646

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	24.809.531.294	24.317.792.832
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.163.222.597	1.138.623.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.054.380.291	1.147.406.012
Thuế, phí và lệ phí	4.461.403.599	5.241.437.319
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	473.887.995	(3.128.473.399)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.454.716.736	8.947.658.671
Chi phí khác bằng tiền	4.245.591.962	3.290.406.567
	46.662.734.474	40.954.851.005

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi bồi thường bảo hiểm	581.375.685.012	500.893.030.835
(Giảm)/Tăng dự phòng dao động lớn	(47.943.519.947)	31.789.870.652
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	651.116.051.246	671.124.646.489
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	9.189.060.053	7.503.916.595
Chi khác nhận tái bảo hiểm	30.172.605.054	27.120.046.834
Chi phí nhân viên	55.944.269.060	53.790.050.469
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.320.750.046	1.324.098.411
Thuế, phí và lệ phí	4.461.403.599	5.241.437.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.054.380.291	1.147.406.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.304.312.068	14.845.632.798
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	473.887.995	(3.128.473.399)
Chi phí khác	35.943.050.276	33.392.356.001
	1.338.411.934.753	1.345.044.019.016

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	240.199.846.691	256.399.294.893
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	4.491.377.412	4.623.481.253
Cộng:		
- Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.318.500.000	899.142.857
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước nhưng đã thực hiện trong năm nay	2.613.989.940	(1.049.809.281)
- Lãi tiền gửi phong tỏa ghi nhận vào tổng dư vốn cổ phần	-	13.633.353.317
- Chi phí không được khấu trừ khác	6.355.520.232	5.440.049.433
Trừ:		
- Thu hồi các chi phí loại ra khi tính thuế các năm trước	(976.042.040)	(6.525.839.650)
- Chi phí loại ra khi tính thuế năm trước đã đủ điều kiện khấu trừ năm nay	-	(1.111.818.498)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(2.859.737.762)	(2.613.989.940)
- Doanh thu không chịu thuế (Cổ tức từ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)	(1.960.852.958)	(4.047.606.985)
Thu nhập chịu thuế	244.691.224.103	261.022.776.146
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	48.938.244.821	52.204.555.229
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	736.916.742	2.033.056.379
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	49.675.161.563	54.237.611.608

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	190.524.685.128	202.161.683.285
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)(*)	(6.668.363.979)	(7.075.658.915)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	183.856.321.149	195.086.024.370
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	104.400.000	87.084.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.761	2.240

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 với tỷ lệ 3,5% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền	8.678.819.224	21.145.198.339
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.609.992.472.537	1.593.583.446.324
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0.0%	0.0%

Biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty được tính toán theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 như sau:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.008 tỷ VND	310 tỷ VND	325%
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.077 tỷ VND	307 tỷ VND	351%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 03.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	8.678.819.224	8.678.819.224	21.145.198.339	21.145.198.339
Phải thu khách hàng và phải thu khác	667.906.947.085	667.906.947.085	550.793.656.370	550.793.656.370
Đầu tư ngắn hạn	2.229.124.600.000	2.229.124.600.000	1.476.943.752.350	1.476.943.752.350
Đầu tư dài hạn	943.697.672.810	956.056.951.191	1.316.697.672.810	1.329.274.185.121
	3.849.408.039.119	3.861.767.317.500	3.365.580.279.869	3.378.156.792.180
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	813.867.328.625	813.867.328.625	608.012.168.320	608.012.168.320
	813.867.328.625	813.867.328.625	608.012.168.320	608.012.168.320

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính bằng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 05.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	195.491.975.157	161.032.670.742	288.987.098.923	177.241.456.689
Euro (EUR)	35.448.398.141	31.689.152.709	39.799.097.263	27.336.890.774
Bảng Anh (GBP)	3.186.502.755	3.210.028.076	15.709.479.250	3.923.476.152
Won Hàn Quốc (KRW)	7.910.058.651	6.225.416.537	4.788.599.046	4.752.675.516
Rupee Ấn Độ (INR)	1.564.451.239	2.422.956.185	1.549.300.873	13.203.172.570
Khác	19.313.399.675	6.788.522.865	10.496.708.381	5.307.899.417
	262.914.785.618	211.368.747.114	361.330.283.736	231.765.571.118

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Won Hàn Quốc và Rupee Ấn Độ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử

dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(1.869.902.475)	(324.175.719)
Euro (EUR)	(87.013.982)	87.045.239
Bảng Anh (GBP)	(250.459.530)	(14.268.962)
Won Hàn Quốc (KRW)	62.429.192	29.454.820
Rupee Ấn Độ (INR)	303.007	(215.604.328)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền	8.678.819.224	-	8.678.819.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	667.906.947.085	-	667.906.947.085
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.229.124.600.000	-	2.229.124.600.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	943.697.672.810	943.697.672.810
	2.905.710.366.309	943.697.672.810	3.849.408.039.119
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Phải trả người bán và phải trả khác	813.867.328.625	-	813.867.328.625
	813.867.328.625	-	813.867.328.625
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.091.843.037.684	943.697.672.810	3.035.540.710.494

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Tiền	21.145.198.339	-	21.145.198.339
Phải thu khách hàng và phải thu khác	550.793.656.370	-	550.793.656.370
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.476.943.752.350	-	1.476.943.752.350
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.316.697.672.810	1.316.697.672.810
	2.048.882.607.059	1.316.697.672.810	3.365.580.279.869
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Phải trả người bán và phải trả khác	608.012.168.320	-	608.012.168.320
	608.012.168.320	-	608.012.168.320
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.440.870.438.739	1.316.697.672.810	2.757.568.111.549

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rück SE - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI Global Specialty SE	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ

Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	4.708.944.913	4.342.729.866
Cổ tức đã trả	135.445.776.000	135.816.569.400
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành tăng vốn	-	40.048.380.000
Nhận chuyển nhượng hợp đồng tiền gửi	151.161.342.466	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	1.344.080.760.708	1.256.272.329.105
Chuyển phí nhượng tái	238.568.337.827	247.915.380.740
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	62.895.565.172	66.268.019.086
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	496.524.264.090	564.659.218.566
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	68.073.031.546	77.187.546.500
Chi hoa hồng và chi phí khác nhận tái bảo hiểm	346.048.465.009	303.985.879.021
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI		
Phí tư vấn đầu tư	493.500.000	200.000.000
Phí ủy thác đầu tư	3.929.632.429	1.605.121.473
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI		
Cổ tức nhận được	24.972.726.900	27.409.090.500
Bán trái phiếu	-	22.505.312.877
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI		
Nhận chuyển nhượng hợp đồng tiền gửi thông qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	-	283.804.877.572
Cổ tức được nhận	22.468.000.000	24.660.000.000
Hannover Re - Malaysia Branch		
Chuyển phí nhượng tái	1.405.115.540	1.178.803.227
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	63.538.904	(16.918.239)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	100.123.103	1.198.054.001
Hannover Re		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	27.108.471.133	34.100.817.426
Chuyển phí nhượng tái	212.771.074	50.063.859
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	75.533.703	17.772.753
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	28.509.670
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	35.644.564.193	49.290.552.269
HDI Global Specialty SE		
Chuyển phí nhượng tái	2.030.383.514	2.030.912.424
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	543.484.773	558.500.973
Thu bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	8.348.079.960
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG		
Chuyển phí nhượng tái	-	78.636.672
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	-	(37.352.343)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	53.418.454	8.788.392.194

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI		
Phải trả khác	929.420.291	745.307.931
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	212.547.686.406	127.225.528.086
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	146.306.622.103	93.800.102.235
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI		
Phải trả khác	2.023.402.568	1.478.881.320
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI		
Đầu tư góp vốn	304.545.450.000	304.545.450.000
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	274.000.000.000
HDI Global Specialty SE		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	-	25.508.907
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	-	765.511.489
Hannover Re		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	8.129.433.804	3.304.288.100
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	28.592.869.307	12.262.328.770
Hannover Re - Malaysia Branch		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	(12.688.862)	1.803.252.536
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(358.130)	1.283.278.036

Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương sau thuế của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phùng Tuấn Kiên	429.050.000	324.000.000
Ông Dương Thanh Danh Francois	156.000.000	189.000.000
Ông Nguyễn Phúc Anh	216.000.000	121.500.000
Ông Trịnh Văn Lượng	162.000.000	189.000.000
Ông Trần Duy Cường	162.000.000	121.500.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Anh Tuấn	2.204.400.000	2.087.050.000
Bà Lê Thị Thúy	1.550.400.000	1.458.600.000
Ông Nguyễn Hồng Long	1.428.000.000	1.336.200.000
Ông Nguyễn Anh Hùng	1.183.200.000	1.107.450.000
Ông Ngô Thanh Hải	1.104.000.000	1.057.000.000
	8.595.050.000	7.991.300.000

Tiền lương bổ sung sau thuế của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhận được trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phùng Tuấn Kiên	664.376.574	169.218.360
Ông Dương Thanh Danh Francois	498.282.431	126.913.770
Ông Nguyễn Phúc Anh	92.274.524	84.609.180
Ông Trịnh Văn Lượng	152.252.965	126.913.770
Ông Trần Duy Cường	121.802.372	101.531.016
Ông Vũ Văn Thắng	-	169.218.360
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Anh Tuấn	3.234.894.727	2.184.993.575
Bà Lê Thị Thúy	1.110.734.041	913.838.572
Ông Nguyễn Hồng Long	1.027.502.014	879.683.572
Ông Nguyễn Anh Hùng	967.726.201	735.681.715
Ông Ngô Thanh Hải	788.842.645	624.405.715
	8.658.688.493	6.117.007.604

28. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2020 VND	2021 VND	2022 VND	2023 VND	2024 VND	Tổng số VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế						
Vào cuối năm tổn thất	298.508.704.931	1.063.906.787.030	467.348.114.322	206.800.319.614	1.299.846.282.643	3.336.410.208.539
1 năm sau	570.673.702.662	1.429.488.350.800	984.823.479.296	639.120.789.291	-	3.624.106.322.050
2 năm sau	654.720.851.469	1.564.009.369.205	1.050.098.564.450	-	-	3.268.828.785.124
3 năm sau	657.383.460.094	1.250.132.996.308	-	-	-	1.907.516.456.402
4 năm sau	636.835.106.350	-	-	-	-	636.835.106.350
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	636.835.106.350	1.250.132.996.308	1.050.098.564.450	639.120.789.291	1.299.846.282.643	4.876.033.739.042
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế						
Vào cuối năm tổn thất	37.331.936.925	110.009.482.576	106.240.496.911	34.774.143.186	33.030.474.767	321.386.534.365
1 năm sau	247.569.522.678	571.321.993.213	539.952.469.956	229.769.639.284	-	1.588.613.625.131
2 năm sau	377.830.377.346	795.500.009.825	757.938.782.264	-	-	1.931.269.169.435
3 năm sau	454.675.792.439	1.069.107.487.098	-	-	-	1.523.783.279.537
4 năm sau	506.262.367.457	-	-	-	-	506.262.367.457
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	506.262.367.457	1.069.107.487.098	757.938.782.264	229.769.639.284	33.030.474.767	2.596.108.750.870
III. Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) - (2)	130.572.738.893	181.025.509.210	292.159.782.186	409.351.150.007	1.266.815.807.876	2.279.924.988.172
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước						309.325.421.077
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm						2.589.250.409.249

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và của niên độ trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

		
Trần Quốc Cường Người lập biểu	Ngô Thanh Hải Kế toán trưởng	 Trịnh Anh Tuấn Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025